

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY XUYỀN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2018/HS-ST
Ngày 23-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY XUYỀN - TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Đình Lục và bà Hứa Thị Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Nhung - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 41/2018/TLST-HS ngày 18 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Thị Phương T** sinh ngày 10 tháng 4 năm 1995 tại huyện DX, tỉnh Quảng Nam; Nơi cư trú: khối phố BA, thị trấn NP, huyện DX, tỉnh Quảng Nam; Nghề nghiệp không; Trình độ học vấn 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đăng T và bà Nguyễn Thị K; có chồng là Nguyễn Thanh T và có 01 con là Nguyễn Thanh Chí K – sinh ngày 20.10.2015; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: ngày 24/10/2011 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện DX ra Quyết định số: 6670/QĐ-UB-NC đưa vào trường giáo dưỡng 24 tháng về hành vi trộm cắp tài sản; Ngày 06/3/2018, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện HV, thành phố Đà Nẵng khởi tố về tội: “Trộm cắp tài sản”, ngày 06/9/2018 TAND huyện HV, TP Đà Nẵng xử phạt 36 tháng tù theo bản án số 45/2018/HS-ST ngày 06/9/2018.

Bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Thị S (tên gọi khác: Ph)** sinh ngày 01 tháng 8 năm 1998 tại huyện T Ph, tỉnh Quảng Nam; Nơi cư trú: Tổ 02, thôn 01, xã TC, huyện TPh, tỉnh Quảng Nam; Nghề nghiệp không; Trình độ học vấn 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Tấn H và bà Nguyễn Thị Th; có 01 con là Nguyễn

Thanh T – sinh 20.10.2015; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 06/3/2018, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện HV, thành phố Đà Nẵng khởi tố về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 06/9/2018 TAND huyện HV, TP Đà Nẵng xử phạt 30 tháng tù theo bản án số 45/2018/HS-ST ngày 06/9/2018.

Bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa;

Bị hại:

- Bà Nguyễn Thị Â- sinh năm 1969. Trú tại: khối phố MH, TT NPh, huyện DX, tỉnh Quảng Nam

- Bà Trần Thị V- sinh năm 1970. Trú tại: thôn TrĐ, xã DTr, huyện DX, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Lương Văn Ch- sinh năm 1969. Trú tại: thôn TrCh, xã DS, huyện DX, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Văn Bá X- sinh năm 1963. Trú tại: thôn TrCh, xã DS, huyện DX, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Phạm Nh- sinh năm 1955. Trú tại: thôn TrĐ, xã DTr, huyện DX, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Đặng H- sinh năm 1974. Trú tại: thôn TrĐ, xã DTr, huyện DX, tỉnh Quảng Nam.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Thanh T- sinh năm 1994. trú tại thôn PST, xã HKh, huyện HV, TP Đà Nẵng, có mặt

(tất cả các bị hại đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn có thẻ card điện thoại để nạp vào tài khoản game online Xeng.club đánh bài nên trong khoảng thời gian từ đầu tháng 11/2017 đến ngày 03/02/2018, cùng với một phương thức, thủ đoạn như nhau, Nguyễn Thị Phương Th cùng với Nguyễn Thị S đã lợi dụng sự sơ hở của các chủ sở hữu trong việc trông coi tiệm tạp hóa để thực hiện các vụ trộm cắp tài sản; cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 13 giờ ngày 04/12/2017, Nguyễn Thị Phương Th rủ Nguyễn Thị S đi tìm xem tiệm tạp hóa nào sơ hở thì vào trộm cắp; S đồng ý. Th điều khiển xe mô tô BKS 43F1-016.83 chở S đi trên đường ĐT610 hướng NPh - Tr K. Khi cả hai đi đến khu vực khối phố MH, thị trấn NPh thì nhìn thấy tiệm tạp hóa của bà Nguyễn Thị Â nên dừng xe lại và đi vào tiệm. Tại đây, cả hai giả vờ hỏi mua nước Sting và yêu cầu bà Â phải đập đá vụn ra bỏ vào bịch nilong cho mình với mục đích là để bà Â mất cảnh giác. Khi bà Â đi xuống nhà dưới lấy đá thì S đứng cạnh giới, còn Th mở nắp hộp nhựa lấy một số thẻ card điện thoại của các nhà mạng Vinaphone, Mobifone, Viettel và kéo ngăn thò ra (không có khóa) lấy một số tiền mặt rồi giấu vào túi áo. Sau khi trộm cắp được tài sản, Th điều khiển xe chở S chạy đến một con hẻm gần đó rồi dừng lại; cả

hai cùng nhau kiểm tra thì tổng số thẻ card điện thoại trộm cắp được có giá trị 900.000 đồng và số tiền mặt 700.000 đồng. Sau đó, cả hai chia nhau, mỗi người 450.000 đồng giá trị thẻ card và 350.000đ tiền mặt.

Vụ thứ 2: Vào khoảng 14 giờ ngày 02/01/2018, Th tiếp tục rủ S đi trộm thẻ card điện thoại trên địa bàn huyện DX, S đồng ý. Th điều khiển xe mô tô BKS 43F1-016.83 chở S đi trên đường ĐT610 hướng NPh - TrK. Khi đi đến đoạn đường thuộc thôn TrĐ, xã DTr, cả hai nhìn thấy phía bên trái đường theo hướng đi có tiệm tạp hóa HV của bà Trần Thị V nên đã dừng xe đi vào tiệm. Tại đây, cả hai giả vờ hỏi mua rất nhiều mặt hàng nhằm mục đích làm cho bà V lơ là thiếu chú ý; đồng thời để Th và S quan sát vị trí cất thẻ card điện thoại. Khi bà V đi ra phía trước để lấy gang tay bán cho Th và S thì S đứng cạnh giới, còn Th đưa tay vào hộp sắt (không có nắp đậy) lấy một số thẻ card điện thoại rồi giấu vào túi áo. Sau khi trộm cắp được tài sản, Th điều khiển xe chở S chạy đến một con hẻm gần đó rồi dừng lại; cả hai cùng nhau kiểm tra thì tổng số thẻ card điện thoại trộm cắp được có giá trị 3.500.000 đồng, tuy nhiên cả hai không phân loại cụ thể từng nhà mạng và mệnh giá từng thẻ. Sau đó, cả hai chia nhau, mỗi người lấy 1.750.000 đồng giá trị thẻ card.

Vụ thứ 3: Vào khoảng 14 giờ ngày 03/02/2018, Th tiếp tục rủ S đi trộm thẻ card điện thoại trên địa bàn huyện DX; S đồng ý. Th điều khiển xe mô tô BKS 43F1-016.83 chở S đi trên đường ĐT610 hướng NPh - TrK. Khi cả hai đi đến đoạn đường thuộc thôn TrCh, xã DS, huyện DX thì nhìn thấy tiệm tạp hóa của ông Lương Văn Ch nên dừng xe lại và đi vào tiệm. Tại đây, cả hai giả vờ hỏi mua dầu gội, mì tôm và nước sting ướp lạnh với mục đích để làm ông Ch mất cảnh giác; đồng thời để Th và S quan sát vị trí cất thẻ card điện thoại. Khi ông Ch xuống nhà dưới để lấy nước ướp lạnh thì Song đứng cạnh giới, còn Th nhìn thấy tủ không khóa và bên trong có một túi nilong màu trắng đựng card điện thoại nên đã nhanh chóng lấy túi nilong có chứa card điện thoại và cất giấu vào túi áo rồi Th điều khiển xe chở S tẩu thoát. Th chở S đến một con hẻm vắng thì dừng lại và cả hai lấy túi nilong ra để kiểm tra thì bên trong có các card điện thoại của các mạng Mobifone, Viettel, Vinaphone với tổng số mệnh giá là 7.500.000 đồng, tuy nhiên cả hai không phân loại cụ thể từng nhà mạng và mệnh giá từng thẻ. Sau đó chia nhau mỗi người lấy 3.750.000 đồng giá trị thẻ card.

Vụ thứ 4: Sau khi trộm cắp tài sản của ông Lương Văn Ch; Th và S tiếp tục điều khiển xe chạy lên hướng TrK. Đi được một đoạn thì xe bị hư nên Th mang xe vào gửi ở tiệm sửa xe rồi cả hai đi bộ về hướng NPh. Khi cả hai đi qua khỏi tiệm tạp hóa của ông Lương Văn Ch khoảng 50m thì nhìn thấy quầy tạp hóa của ông Văn Bá X, cả hai đi vào bên trong tiệm thì phát hiện ông X đang nằm ngủ trên ghế Salon nên S đứng cạnh giới, còn Th đi lại tủ gương (không có khóa) mở nắp hộp nhựa lấy một số thẻ card điện thoại giấu vào túi áo rồi sau đó cả hai đón xe buýt đi về nhà của Th ở thị trấn NPh. Tại đây, cả hai cùng kiểm tra thì tổng số thẻ card điện thoại của các nhà mạng Vinaphone, Mobifone, Viettel trộm cắp được có giá trị 1.600.000 đồng, tuy nhiên cả hai không phân loại cụ thể từng nhà mạng và mệnh giá từng thẻ. Sau đó chia nhau mỗi người lấy 800.000 đồng giá trị thẻ card..

Ngoài ra, Nguyễn Thị Phương Th còn tự mình thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản là thẻ card điện thoại; cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 09 giờ một ngày đầu tháng 11/2017, Th điều khiển xe mô tô BKS 43F1-016.83 đi trên đường ĐT610 hướng NPh - TrK, mục đích là tìm tiệm tạp hóa nào sơ hở thì vào trộm thẻ card điện thoại. Khi Th đi đến khu vực công ty may HTh thuộc thôn TrĐ, xã DTr, huyện DX thì phát hiện tiệm tạp hóa của ông Phạm Nh, sinh năm 1955 không có người trông coi. Th liền dừng xe, đi vào bên trong tiệm, mở nắp hủ nhựa và lấy một cục thẻ card điện thoại của nhà mạng Viettel, có mệnh giá 20.000 đồng rồi nhanh chóng điều khiển xe đi về. Khi về đến nhà, Th lấy số thẻ card điện thoại trộm cắp được ra kiểm tra thì tổng giá trị là 1.600.000 đồng.

Vụ thứ 2: Vào khoảng 14 giờ một ngày giữa tháng 11/2017, Th điều khiển xe mô tô BKS 43F1-016.83 đi trên đường ĐT610 hướng NPh - TrK, mục đích là tìm tiệm tạp hóa nào sơ hở thì vào trộm thẻ card điện thoại. Khi Th đi đến khu vực CC thuộc thôn TrĐ, xã DTr, huyện DX, tỉnh Quảng Nam thì phát hiện tiệm tạp hóa kiêm sửa xe của ông Đặng H không có người trông coi. Th liền dừng xe, đi vào bên trong tiệm và lấy đi 03 cục thẻ card điện thoại của ba nhà mạng Vinaphone, Mobifone, Viettel giấu vào túi áo rồi nhanh chóng điều khiển xe đi về nhà. Khi về đến nhà, Th lấy số thẻ card điện thoại trộm cắp được ra kiểm tra thì tổng giá trị là 1.600.000 đồng.

Toàn bộ số thẻ card điện thoại trộm cắp được, Nguyễn Thị Phương Th và Nguyễn Thị S nạp vào tài khoản game online Xeng.club đánh bài, còn tiền mặt thì tiêu xài cá nhân hết. Tổng giá trị tài sản thiệt hại do Nguyễn Thị Phương Th và Nguyễn Thị S trộm cắp là 14.200.000 đồng. Tổng giá trị tài sản do Nguyễn Thị Phương Th trộm cắp là 3.200.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 39/CT-VKSDX ngày 12/9/2018 VKSND huyện DX truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Phương Th và Nguyễn Thị S về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm a khoản 2 Điều 173 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu tranh luận giữ nguyên Quyết định truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”, đề nghị áp dụng:

- Điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, BLHS 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt Nguyễn Thị Phương Th từ 30 đến 36 tháng tù.

- Điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt Nguyễn Thị S từ 24 đến 30 tháng tù.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân huyện DX truy tố các bị cáo về tội trộm cắp tài sản như cáo trạng đã nêu là đúng, thống nhất ý kiến kiểm sát viên về khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T trình bày: Chiếc xe mô tô BKS 43F1-01683 giấy đăng ký xe đứng tên Lê Thị L là tài sản riêng của ông có trước khi kết hôn với bà Nguyễn Thị Phương Th. Do ông thường xuyên đi làm ăn xa không có

ở nhà nên không biết bà Th dùng xe làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Đề nghị HĐXX xem xét trả lại chiếc xe cho ông để ông có phương tiện đi lại.

Bị cáo Nguyễn Thị Phương Th và Nguyễn Thị S nói lời sau cùng: các bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo Nguyễn Thị Phương Th và Nguyễn Thị S tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện DX, ý kiến Kiểm sát viên và các chứng cứ khác đã được thẩm tra tại phiên tòa, có căn cứ xác định: trong khoảng thời gian từ đầu tháng 11/2017 đến đầu tháng 02/2018, lợi dụng sự sơ hở của các chủ sở hữu trong việc trông coi tiệm tạp hóa Nguyễn Thị Phương Th đã chủ động rủ rê, cùng bàn bạc, phối hợp cấu kết chặt chẽ với Nguyễn Thị S lén lút bí mật trộm cắp card điện thoại và tiền của các chủ tiệm tạp hóa cụ thể: chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị A 900.000 đồng tiền card và 700.000 tiền mặt; bà Trần Thị V 3.500.000đ tiền card, ông Lương Văn Ch 7.500.000đ tiền card, ông Văn Bá X 1.600.000đ, tổng giá trị tài sản 02 bị cáo cùng chiếm đoạt là 14.200.000 đồng; riêng Nguyễn Thị Phương Thảo tự mình trộm cắp tiền card của ông Phạm Nh là 1.600.000 đồng, ông Đặng H là 1.600.000đ. Vì vậy có căn cứ kết luận: các bị cáo Nguyễn Thị Phương Th và Nguyễn Thị S phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 173 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 với tình tiết tăng nặng định khung là “*Có tổ chức*”. Do đó, Cáo trạng của VKSND huyện DX và lời luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện DX, nên cần xử phạt nghiêm để giáo dục các bị cáo nhằm thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[3] Xét vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ từng bị cáo, HĐXX nhận định:

Bị cáo Th có nhân thân xấu, trong vụ án này, là người cầm đầu, chủ động rủ rê chuẩn bị phương tiện, trực tiếp thực hiện tội phạm và còn tự mình thực hiện 02 vụ trộm cắp riêng lẻ, giá trị chiếm đoạt nhiều hơn bị cáo S nên xử bị cáo mức án cao hơn bị cáo S, bị cáo S với vai trò là người giúp sức nên xử bị cáo mức án thấp hơn bị cáo Th. Trong các lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, Th và S mỗi bị cáo có 02 lần phạm tội mà mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị áp dụng tình tiết phạm 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS

Tuy nhiên, sau khi phạm tội các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại, tất cả người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, các bị cáo đang nuôi con nhỏ. Vì vậy 02 bị cáo được hưởng các

tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo S có ông nội có công với Nhà nước và có đủ 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 nên được áp dụng khoản 1 điều 54 BLHS xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định.

Ngoài ra tại bản án số 45/2018/HSST ngày 06/9/2018 bị cáo Th bị TAND huyện HV, TP Đà Nẵng xử phạt 36 tháng tù, bị cáo S bị xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” đã có hiệu lực pháp luật chưa chấp hành án nên HĐXX áp dụng Điều 56 BLHS buộc 02 bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của bản án này cộng với bản án số 45/2018/HSST ngày 06/9/2018 của TAND huyện HV TP Đà Nẵng.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại, các bị hại không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Chiếc xe mô tô BKS 43F1-016.83 đứng tên Lê Thị L là tài sản anh Nguyễn Thanh T mua của bà Lê Thị L vào năm 2014 trước khi kết hôn với Nguyễn Thị Phương Th. Anh T đi làm xa nên để xe mô tô BKS 43F1-016.83 ở nhà cho Th làm phương tiện đi lại, bị cáo Th tự ý dùng xe mô tô trên để làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, anh T hoàn toàn không biết nên cần trả chiếc xe cho anh T.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện DX, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện DX, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Phương Th và Nguyễn Thị S phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Về hình phạt:

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt Nguyễn Thị Phương Th 24 tháng tù. Áp dụng Điều 56 BLHS tổng hợp hình phạt 24 tháng tù của bản án này và 36 tháng tù của bản án số 45/2018/HSST ngày 06/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện HV, TP Đà Nẵng. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Phương Th phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là **05 (năm) năm tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 BLHS sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt Nguyễn Thị S 18 tháng tù. Áp dụng Điều 56 BLHS tổng hợp hình phạt 18 tháng tù của bản án này và

30 tháng tù của bản án số 45/2018/HSST ngày 06/9/2018 của TAND huyện HV TP Đà Nẵng. Buộc bị cáo Nguyễn Thị S phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 04 (bốn) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 BLHS; khoản 3 Điều 106 BLTTHS: Trả cho anh Nguyễn Thanh T 01 mô tô BKS 43F1-016.83 giấy đăng ký xe đứng tên Lê Thị L.

Vật chứng hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện DX quản lý

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BL TTHS; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội; Buộc Nguyễn Thị Phương Th và Nguyễn Thị S mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án để đề nghị TAND tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm. Đối với những người bị hại vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHẢN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Duy Xuyên
- Chi cục THADS huyện Duy Xuyên
- Bị cáo, những người TGTT khác
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VP công an huyện Duy Xuyên
- Lưu HS-AV

Nguyễn Minh Quốc

